TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HỒI
TỈNH KON TUM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc

Bản án số: 06/2020/HSST
Ngày 27-02-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Bá Khen.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hòa và ông A Nam Thị;
- Thư ký phiên toà: Ông Trần Minh Quang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi tham gia phiên toà: Bà Hoàng Ngọc Oanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh K, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2019/HSST ngày 26 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2020; đối với các bị cáo:

1. Trương Văn T; Tên gọi khác: Không; sinh ngày: 19 tháng 5 năm 1976; tại tỉnh Q; nơi cư trú: Thôn T, xã T, TP Đ, tỉnh Q; tạm trú tại: Thôn I, xã P, huyện N, tỉnh K; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 01/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Viết P (đã chết) và bà Nguyễn Thị N; có vợ là Nguyễn Thị T và 04 con; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 19/11/2003 bị Công an huyện Q, tỉnh Q khởi tố về tội "vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ". Đến ngày 04/3/2004 được tạm đình chỉ vụ án, tạm đình chỉ bị can.

- Ngày 20/10/2008 bị Công an thị trấn V, huyện B, tỉnh Q xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng, hình thức là cảnh cáo.

- Ngày 28/01/2010 bị Công an phường B, thành phố Đ, tỉnh Q xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng, mức phạt 1.000.000 đồng, đã chấp hành xong.

- Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/5/2019 đến ngày 17/01/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lĩnh đến nay, bị cáo có mặt.

2. Đoàn Tuấn A; Tên gọi khác: Không; sinh ngày: 12 tháng 6 năm 1992; tại H; nơi cư trú: Thôn I, xã P, huyện N, tỉnh K; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hoá: 06/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Chưa xác định; con bà Đoàn Thị Đ; có vợ là Y N; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 21/9/2012 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh K xử phạt 25 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Ngày 25/01/2014 chấp hành xong hình phạt tù và các hình phạt khác, được xóa án tích.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2019 đến ngày 30/8/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lĩnh đến nay, bị cáo có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp* của bị cáo Trương Văn T, chị Nguyễn Thị T (vợ bị cáo); sinh năm 1978; nghề nghiệp: Làm nông; địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố Đ, tỉnh Q; Xin xét xử vắng mặt.

- *Người bào chữa* cho bị cáo Trương Văn T; ông Hoàng Minh T là Luật sư Văn phòng luật sư Minh T thuộc đoàn Luật sư tỉnh K; địa chỉ: 157 Phan Chu Trinh, thành phố K, tỉnh K; Có mặt.

- Người bị hại: Bà Đồng Thị H và ông Trần Quốc T; cùng địa chỉ: Thôn I, xã P, huyện N, tỉnh K; Xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Hồ Thế T; sinh năm: 1988; địa chỉ: Thôn I, xã P, huyện N, tỉnh K Xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Phạm Ngọc M; sinh năm: 1980; địa chỉ: Thôn I, xã P, huyện N, tỉnh K; Xin xét xử vắng mặt.

3. Chị Vũ Thị Kim C; sinh năm: 1986; địa chỉ: Thôn I, xã P, huyện N, tỉnh K; Xin xét xử vắng mặt.

4. Anh Cao Trọng N; sinh năm: 1977; địa chỉ: Thôn I, xã P, huyện N, tỉnh K; Xin xét xử vắng mặt.

5. Chị Đào Thị Thanh T; sinh năm: 1982; địa chỉ: Thôn I, xã P, huyện N, tỉnh K; Xin xét xử vắng mặt.

6. Bà Y Ấ; địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện N, tỉnh K; Xin xét xử vắng mặt.

7. Chị Y T; sinh năm: 1991; địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện N, tỉnh K; Xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Đinh Thị D; sinh năm: 1990; địa chỉ: Thôn I, xã P, huyện N, tỉnh K; Xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Ngân Văn N; sinh năm: 1975; địa chỉ: Thôn I, xã P, huyện N tỉnh K; Xin xét xử vắng mặt.

3. Anh Đồng Thế H; sinh năm: 1989; địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện N, tỉnh H; tạm trú: Thôn I, xã P, huyện N, tỉnh K; Vắng mặt.

4. Anh Trần Thế V; sinh năm: 1985; địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện N, tỉnh K Xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 08/4/2019, Trương Văn T đang ở nhà Hồ Thế Ttại thôn I, xã P, huyện N, thì Đoàn Tuấn A đến chơi. Khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày, T nhớ ra việc nhà bà Đồng Thị H (trú cùng thôn với Hồ Thế T) đang đi vắng, nhà không ai trông coi nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của nhà bà H. T rủ A "Mi theo tao xuống nhà này lấy đồ, nhà này nợ nhiều nên trốn rồi, không có ai ở nhà đâu". A đồng ý. T vào phòng ngủ gặp T và nói "cho anh mượn xe tý", T hỏi "đi đâu?" thì T trả lời "Đi xuống đây tý", T đồng ý, T ra lấy xe mô tô của T (loại xe độ chế đi rừng, không có biển kiểm soát) chở Tuấn A đến nhà bà H. Đến nơi, T dừng xe cạnh vị trí lưới B40 đã bị tháo hở rồi dùng tay gỡ các mối buộc tạm của lưới hàng rào, đè qua một bên để chui vào. Tuấn A đi theo sau T cả hai đi vào trong nhà qua lối cửa hông đã bị mở khóa trong, tìm đồ đạc có giá trị để trộm cắp. Đến phòng ngủ, thấy chiếc tủ lạnh hiệu SANYO T và A cùng nhau khiêng ra qua hàng rào lưới B40 để lên yên sau xe mô tô, lấy dây chằng buộc chặt lại, sau đó A chở chiếc tủ lạnh này về cất trong nhà bếp Hồ Văn T. Trong khi A chở chiếc tủ lạnh đi thì T tiếp tục vào bên trong nhà bà H để tìm kiếm thêm tài sản, và lấy được 01 cặp lục bình bằng gỗ hương, kích thước cao 35cm, đường kính nơi rộng nhất 12cm và 01 bức tranh đục trên nền gỗ, loại gỗ dổi, kích thước (40x60x4) cm đem ra bên ngoài dấu trong bụi rậm phía sau nhà bà H (không cho A biết nhằm hưởng lợi một mình). Khi A quay lại thì T và A tiếp tục đi tìm kiếm tài sản, đến khu vực phòng tắm thấy chiếc máy giặt hiệu PANASONIC nên cả hai cùng khiêng ra bên ngoài, tiếp tục chất lên xe mô tô để A chở về nhà Tcất dấu. Khi A chở chiếc tủ lạnh và máy giặt về thì T vẫn đang ngủ trong buồng, không hay biết gì. Sau khi về nhà Tthì lúc này khoảng 01 giờ sáng, T và A bàn cách tiêu thụ số tài sản đã trộm cắp được, A lấy điện thoại gọi cho Phạm Ngọc M nói "Em mới đi xiết nợ về, có cái tủ lạnh anh mua không", M nói "đang đêm hôm khuya khoắt thế này, mua bán gì, để mai đi" thì A nói "em đang rất cần tiền xử lý công việc, anh đến lấy giùm e với", M hỏi lại "ở đâu", Anói "ở nhà T

bờ hồ", thấy nhà T cũng gần nhà mình nên M đồng ý chạy xe qua xem và thoả thuận mua chiếc tủ lạnh này với giá là 2.000.000 đồng. Thoả thuận xong T và A khiêng tủ lạnh lên xe mô tô của T để A chở về nhà cho M. M nhận tủ lạnh xong thì bớt 200.000 đồng chỉ đưa cho A1.800.000 đồng. A nhận tiền rồi vào quán tạp hoá mua card điện thoại, thuốc, bánh, nước hết 700.000 đồng đem về ăn khuya. Còn lại 1.100.000 đồng, Acất riêng cho mình 300.000 đồng, còn 800.000 đồng đưa cho T để T mua lương thực, thực phẩm cho cả nhóm cùng ăn sau này. Sáng hôm sau khi Hồ Thế Tthức dậy thì thấy trong nhà có cái máy giặt nên hỏi "máy ở đâu đây", T và A nói mới đi siết nợ bên đường NT18 về, T tỏ ý không bằng lòng thì T và A xin cho để vài ngày rồi mang đi nên T không nghi ngờ gì. Đến trưa ngày 09/4/2019 T lấy xe máy của Tchạy đến nơi dấu cặp lục bình và bức tranh gỗ rồi đem về nhà T cất dấu. Sau đó T nhờ Đồng Thế H (trú tại tổ dân phố 2, thị trấn P) tìm người bán hộ, nói là đồ T đi rừng kiếm được về tiện nhờ bán, và H đã bán bức tranh gỗ cho một người tên T (không rõ nhân thân lai lịch) với giá là 700.000 đồng, còn cặp lục bình chưa bán được nên vẫn để ở nhà T. Đến chiều ngày 09/4/2019, khi T và A đang ở nhà của Hồ Thế T thì có một người quen của A là chị Vũ Thị Kim C, trú tại thôn M đến chơi. Gặp chị C, A hỏi "Chị có mua máy giặt không, ở phía sau kìa". Chị C ra phía sau xem và đồng ý mua với giá 700.000 đồng và đưa tiền cho Trương Văn T. Đến ngày10/4/2019 A có nhờ Hồ Thế T mượn xe ô tô chở chiếc máy giặt này đến giao cho chị C. Cùng ngày T chở cặp lục bình đến nhà Trịnh Ngọc V, trú tại thôn M, xã Pđể gửi nhưng V không cho gửi nên T đem dấu trong bụi cỏ rậm bên cạnh nhà V Đến ngày 15/4/2019 bà Đồng Thị H cùng chồng về quê ăn tết trở vào thì phát hiện nhà bị mất trộm tài sản nên đã làm đơn trình báo cơ quan Công an.

Tại bản Kết luận định giá tài sản trong tố tụng huyện Ngọc Hồi số 215/BB-HĐĐG ngày 14/5/2019 và số 219/BB-HĐĐG ngày 27/6/2019 kết luận tài sản bị trộm cắp có giá trị như sau:

- 01(một) chiếc tủ lạnh SANNYO, dung tích 185 lít trị giá 2.800.000 đồng

- 01(một) chiếc máy giặt PANASONIC, loại 7kg trị giá 1.350.000 đồng

- 01(một) cặp lục bình gỗ hương, cao 35cm, đường kính 12cm trị giá 1.200.000 đồng.

- 01 (một) bức tranh đục trên nền gỗ dổi, kích thước (40x60)cm trị giá 2.200.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản trộm cắp ngày 08/4/2019 là 7.550.000 đồng.

Quá trình điều tra, Trương Văn T và Đoàn Tuấn A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, Trương Văn T còn khai nhận trước và sau đó đã thực hiện thêm 02 vụ trộm cắp tài sản tại nhà bà Đồng Thị H, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng đầu năm 2019 khi Cao Trọng N (sinh 1977, tạm trú tại thôn M, xã P) là bạn cùng quê với Trương Văn T vào khu vực cửa khẩu P làm ăn thì Na thường đi qua và thấy nhà bà Đồng Thị H (nằm trên quốc lộ 40, cách cửa khẩu P khoảng 2km) thường xuyên đóng cửa, không có ai trông coi tài sản nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Khoảng 01 giờ sáng ngày 02/4/2019 N đi xe mô tô của mình đến nhà Hồ Thế T ở khu vực cửa khẩu P (nơi T ở nhờ) đánh thức T dậy và rủ đi cùng mình. T hỏi đi đâu thì N nói "lên đây đi với tau xíu". Sau đó N dùng xe mô tô của mình chở T đến nhà bà H. Khi đến, thấy nhà bà H đóng cổng, đóng cửa, tắt điện. Biết không có ai ở nhà nên N và T dùng chiếc thang bỏ sau nhà bà H chống vào thanh xà gồ ở cuối mái nhà để nâng đoạn mái sau lên cao khoảng 30cm. Sau đó N trèo lên thang, chui qua khoảng trống để vào bên trong nhà. Khi vào được bên trong N lục lọi trong đống lũa gỗ để trước sân nhà bà H rồi lấy đi 04 (bốn) thanh lũa gỗ, to cỡ bắp tay đem đến mép hàng rào sát bờ tường phía bên trái căn nhà ném ra bên ngoài và bảo T đem số gỗ này giấu ra phía sau nhà bà H. Trong khi T bê gỗ đi giấu thì N quay lại vào nhà bà H lấy 01 (một) máy bơm nước và 01 (một) máy mài tay đem ra rồi đưa cho T đứng bên ngoài đỡ lấy, sau đó N và T chất số tài sản trên lên xe rồi chở về cất dấu tại nhà bạn gái của N tên là Y T ở thôn M Sau này N đem lắp chiếc máy bơm cho bà Y Ấ (là mẹ của Y T) dùng, còn chiếc máy mài thì đem cho một người bạn tên C (không rõ nhân thân lai lịch) mượn. Còn lại 04 khúc gỗ lũa thì T lấy một khúc tiện thành lọ hoa rồi đem cho một người bạn (không nhớ lai lịch), 03 khúc thì N mang cho mấy người bạn để ghép lan nhưng không nhớ là cho những ai.

Tại bản Kết luận định giá tài sản trong tố tụng huyện Ngọc Hồi số 219/BB-HĐĐG ngày 27/6/2019 xác định:

- 01 (một) chiếc máy mài trị giá 640.000 đồng,

- 01 (một) chiếc máy bơm trị giá 1.300.0000 đồng.

Tổng giá trị tài sản trộm cắp ngày 02/4/2019 là 1.940.000 đồng.

Riêng 04 (bốn) khúc gỗ mà N, T đã trộm cắp do không xác định được chủng loại gỗ và kích thước. Chủ tài sản là bà Đồng Thị Hkhai số gỗ trên chủ yếu là gỗ tạp, vợ chồng bà tìm thấy trong vườn rẫy, thấy lạ thì nhặt về chơi, không xác định được giá trị nên không có căn cứ để trưng cầu định giá tài sản.

Vụ thứ hai: Ngày 11/4/2019, Trương Văn T nhờ Đồng Thế H chở từ nhà Hồ Thế Tra thị trấn P chơi, khi đi ngang qua nhà bà H thì T nói với H "mày đợi một lát

để anh vào nhà bà dì mượn mấy thứ đồ". Sau đó T theo lối cũ, trèo qua vết rách lưới B40 vào nhà bà H lấy trộm 01 (một) chiếc máy phát cỏ hiệu Robin đem ra ngoài rồi bảo H chở xuống nhà Trịnh Ngọc V để gửi nhưng V không đồng ý nên T đem dấu vào bụi cỏ cạnh nhà V, chỗ để cặp lục bình và bức tranh gỗ lần trước. Sau khi sự việc bị phát giác, T đã chỉ chỗ cho Đoàn Tuấn A nơi cất dấu chiếc máy phát cỏ và cặp lục bình để Tuấn A đem giao nộp lại cho cơ quan Công an.

Tại bản Kết luận định giá tài sản trong tố tụng huyện Ngọc Hồi số 215/BB-HĐĐG ngày14/5/2019 xác định 01(một) chiếc máy phát cỏ hiệu Robin trị giá 1.700.000 đồng.

Tổng tài sản Trương Văn T đã trộm cắp trị giá 11.190.000đ (mười một triệu một trăm chín mươi ngàn đồng).

Tổng tài sản Đoàn Tuấn A đã trộm cắp trị giá 4.150.000đ (Bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Tổng tài sản Trương Văn Nghĩa đã trộm cắp trị giá 1.940.000đ (Một triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng).

Vật chứng tạm giữ: 01(một) chiếc tủ lạnh SANNYO, loại dung tích 185 lít; 01(một) chiếc máy giặt PANASONIC, loại dung tích 7kg; 01(một) cặp lục bình bằng gỗ, cao 35cm, đường kính 12cm; 01 (một) máy phát cỏ nhãn hiệu Robin; 01 (một) máy bơm nước chìm, màu trắng đục, không rõ nhãn hiệu.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu bà Đồng Thị H toàn bộ số tài sản tạm giữ nêu trên.

Quá trình điều tra Trương Văn T và Đoàn Tuấn A đã tác động người nhà trả lại số tiền đã bán tài sản trộm cắp cho anh Phạm Ngọc M số tiền 1.800.000 đồng và chị Vũ Thị Kim C số tiền 700.000 đồng.

Đối với 01 bức tranh đục trên nền gỗ đã bán cho một người tên T; 01 chiếc máy mài đã cho một người tên C mượn và số gỗ lũa các bị cáo cho các đối tượng (đều không rõ nhân thân lai lịch), các đối tượng này đã đi khỏi địa phương, không rõ hiện đang ở đâu, nên chưa thu hồi được để trả cho người bị hại. Tuy nhiên các bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bà Đồng Thị H số tiền gồm: Trương Văn T bồi thường 4.750.000 đồng, Đoàn Tuấn A bồi thường 3.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bị hại bà Đồng Thị H, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Ngọc M và chị Vũ Thị Kim C đều có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn họ không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm.

Với nội dung trên Bản cáo trạng số: 49/CT-VKS-HS ngày 25-11-2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi đã truy tố các bị cáo Trương Văn T và Đoàn Tuấn A cùng về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sau khi công bố Bản cáo trạng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi thay đổi, bổ sung Cáo trạng như sau:

- Thay đổi đề nghị không cho bị cáo Đoàn Tuấn A được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Bổ sung đề nghị cho bị cáo Trương Văn T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức…." quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm b, s, q khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Văn T từ 08 đến 12 tháng tù;

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đoàn Tuấn A từ 06 đến 09 tháng tù.

Trong phần tranh luận các bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Trong bài bào chữa cho bị cáo Trương Văn T, Luật sư ông Hoàng Minh T cho rằng: Ông hoàn toàn đồng ý quan điểm luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo Trương Văn T, tại thời điểm phạm tội bị cáo T bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi và thời gian tạm giam bị cáo là hơn tám tháng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án phù hợp để bị cáo hòa nhập với cộng đồng.

Các Bị cáo nói lời sau cùng: Các Bị cáo đều biết lỗi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo xin lỗi người bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ngọc Hồi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N công bố, thay đổi, bổ sung Bản cáo trạng thì các bị cáo Trương Văn T, Đoàn Tuấn Ađã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp như Bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với kết luận điều tra của cơ quan điều tra Công an huyện N và các tài liệu chứng cứ khác về số lượng và giá trị tài sản chiếm đoạt đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở khẳng định: Hành vi lén lút, bí mật đột nhập vào nhà bà Đồng Thị H tại thôn I, xã P của các bị cáo Trương Văn T và Đoàn Tuấn A chiếm đoạt tài sản. Trong đó bị cáo Trương Văn T chiếm đoạt tài sản là: 01 chiếc tủ lạnh SANNYO; 01 chiếc máy giặt PANASONIC; 01 cặp lục bình bằng gỗ hương; 01 bức tranh đục trên nền gỗ dổi; 01 máy phát cỏ hiệu Robin; 01 máy bơm nước chìm; 01 chiếc máy mài với tổng trị giá tài sản là 11.190.000 đồng. Bị cáo Đoàn Tuấn A chiếm đoạt tài sản là: 01 chiếc tủ lạnh SANNYO; 01 chiếc máy giặt PANASONIC với tổng trị giá tài sản là 4.150.000 đồng đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt quy định đối với các bị cáo tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố.

[3] Về mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự và an toàn xã hội. Bị cáo Trương Văn T năm 2003 bị Công an huyện Q, tỉnh Qkhởi tố về tội "vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" đang được tạm đình chỉ vụ án, tạm đình chỉ bị can từ ngày 04/3/2004 đến nay; Năm 2008 và năm 2010 bị Công an thị trấn Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình và Công an phường B, thành phố Đ, tỉnh Q xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng; Bị cáo Đoàn Tuấn A năm 2012 bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 25 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" chứng tỏ các bị cáo đều có nhân thân xấu, các bị cáo đã được cải tạo, giáo dục nhưng không lấy đó làm bài học để ăn năn hối cải, tu dưỡng rèn luyện mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện bản chất coi thường pháp luật, với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích vụ lợi các bị cáo sẵn sàng phạm tội để có tiền tiêu xài mà không phải thông qua lao động chân chính, bất chấp hậu quả xảy ra, vì vậy cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện để cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành công dân biết tôn trọng pháp luật. Trong vụ án này bị cáo T đã ba lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, trong đó có một lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản với vai trò rủ rê bị cáo Đoàn Tuấn A nên bị cáo T phải chịu mức án cao hơn bị cáo A.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo đối với hành vi phạm tội của mình; Các bị cáo đã thỏa thuận bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi" quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Sau khi xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với từng bị cáo, đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Trương Văn T, xét thấy các bị cáo đều có nhân thân xấu, tuy nhiên, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tội phạm các bị cáo thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

Bị cáo Trương Văn T có ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s, q khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, thời gian tạm giữ, tạm giam là 08 tháng 02 ngày đây là thời gian để bị cáo cải tạo và biết hối hận về hành vi phạm tội của mình, vì vậy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tù bằng thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam là hoàn toàn phù hợp với tội phạm mà bị cáo đã thực hiện.

Bị cáo Đoàn Tuấn A, có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, tuy nhiên bị cáo đã từng bị kết án 25 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích", do đó việc xử phạt bị cáo hình phạt tù để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật đối với người phạm tội có nhân thân xấu.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều xin vắng mặt, trong đơn họ không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì về trách nhiệm dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Các tình tiết khác:

- Anh Hồ Thế Tlà người cho bị cáo T mượn xe mô tô (loại xe độ chế để đi rừng, không có biển kiểm soát) thực hiện hành vi trộm cắp và cũng là người vận chuyển chiếc máy giặt do T và Tuấn A trộm cắp của bà Đồng Thị H cho chị Vũ Thị Kim C, nhưng anh T hoàn toàn không biết T mượn xe để dùng vào quá trình phạm tội cũng không biết khi vận chuyển chiếc máy giặt đến cho chị C là tài sản do phạm tội mà có, nên cơ quan điều tra không xử lý đối với anh Hồ Thế Tlà đúng quy định.

- Chị Vũ Thị Kim C, anh Phạm Ngọc M, chị Đào Thị Thanh T, bà Y Ấ, chị Y T là những người mua và chứa chấp tài sản trộm cắp, nhưng khi họ mua và chứa chấp tài sản, họ hoàn toàn không biết những tài sản đó do các bị cáo phạm tội mà

có, nên cơ quan điều tra cũng không có cơ sở xử lý đối với những người này là đúng quy định.

- Đối với anh Cao Trọng N là người cùng bị cáo Trương Văn T trộm cắp tài sản là 01 chiếc máy mài và 01 chiếc máy bơm nước với tổng giá trị tài sản là 1.940.000 đồng, do giá trị tài sản chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nghĩa, nên Công an huyện Ngọc Hồi đã xử lý hành chính theo Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ là đúng quy định của pháp luật.

- Anh Đồng Thế H là người biết Trương Văn T vào nhà bà Đồng Thị H lấy chiếc máy phát cỏ, nhưng khi vào nhà bà H, T nói H là vào nhà bà dì mượn mấy thứ đồ; anh Trần Thế V được Thoan nhờ gửi chiếc máy phát cỏ nhưng anh V không đồng ý, cơ quan Điều tra đã chứng minh Đồng Thế H và Trần Thế V không có hành vi đồng phạm, nên cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm là đúng quy định.

- Về chiếc xe mô tô loại xe độ chế đi rừng mà Hồ Thế T cho Trương Văn T mượn đi thực hiện hành vi trộm cắp ngày 08/4/2019, T mang chiếc xe này giấu ở bụi cây trong rừng đi hái lan, khi trở về thì xe bị mất trộm. Đối với chiếc xe mô tô của Cao Trọng N sử dụng để đi trộm cắp tài sản cùng với T ngày 02/4/2019 cũng là xe độ chế đi rừng, vì xe quá cũ không hoạt động được nên N đã bán sắt phế liệu. Về chiếc điện thoại di động mà Đoàn Tuấn Ađã sử dụng để liên lạc với Phạm Ngọc Mbán chiếc tủ lạnh, Tuấn A đã làm mất trong một lần đi rừng. Cơ quan Điều tra đã lập biên bản xác minh, truy tìm những công cụ, phương tiện phạm tội nêu trên theo quy định nhưng không thu giữ được.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo Trương Văn T là hoàn toàn phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Các Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trương Văn T, Đoàn Tuấn A phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về Điều luật áp dụng:

- Bị cáo Trương Văn T: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b,s,q khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 136; khoản 5 Điều 328, Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Đoàn Tuấn A: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm b,s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 136; Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Trương Văn T 08 (Tám) tháng 02 (Hai) ngày tù. Thời hạn phạt tù bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam. (Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/5/2019 đến ngày 17/01/2020).

- Xử phạt bị cáo Đoàn Tuấn A 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. (Được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2019 đến ngày 30/8/2019).

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Trương Văn T, Đoàn Tuấn A mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các Bị cáo, Người bào chữa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 27/02/2020, Bị hại, Người đại diện hợp pháp, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ngọc Hồi;
- Bị cáo; Bị hại; Người bào chữa, Người đại diện hợp pháp; Người có QLNVLQ;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Công an huyện Ngọc Hồi;
- Phòng PV27 CA tỉnh KonTum;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

- Chi cục THADS huyện Ngọc Hồi;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

Nguyễn Bá Khen